

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23- 3 -2023

“Về việc tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Tự
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đào Thị Ngâm
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

** Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thùy Trân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Bùi Minh Đ, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Bùi Minh Đ trình bày:

+Về quan hệ hôn nhân: anh Đ và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn ngày 25/09/2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 0085/2017. Sau khi kết hôn, vợ

chồng về sinh sống chung, thời gian đầu chung sống vợ chồng đều hòa thuận, vui vẻ. Tuy nhiên, đến năm 2019 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế không ổn định nên thường xuyên cãi vã nhau nên hai bên không sống chung nữa, cả hai đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay.

Nay, anh Đ thấy mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không tồn tại kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T để bảo đảm cuộc sống của mỗi bên.

+ Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Khánh H, sinh ngày 02/10/2018, hiện đang ở với chị T, ly hôn anh Đ đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ kể từ tháng 03/2023.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Bị đơn: chị Nguyễn Thị T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T với anh Bùi Minh Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/09/2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 0085/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp thường xuyên cãi vã nên chị T không sống chung với anh Đ từ năm 2021 đến nay, hai bên không quan tâm với nhau.

Nay anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị thì chị T đồng ý ly hôn với anh Đ.

+ Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Khánh H, sinh ngày 02/10/2018, hiện đang ở với chị T, ly hôn chị T xin nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và đồng ý để anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ kể từ tháng 03/2023.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng không được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hai bên có tranh chấp về ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại: Khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015. Nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227, 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Đ và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn ngày 25/09/2017 tại UBND xã T, huyện

T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 0085/2017 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung, thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp thường xuyên cãi vã nên chị T không sống chung với anh Đ từ năm 2021 đến nay, hai bên không quan tâm với nhau và thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên ghi nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa anh Đ với chị T.

[3] Về con chung: Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Khánh Huyền, sinh ngày 02/10/2018, hiện đang ở với chị T, anh Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ, kể từ tháng 03/2023 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 12/01/2023.

Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Minh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Khánh Huyền, sinh ngày 02/10/2018, hiện đang ở với chị T, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ, kể từ tháng 03/2023 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

- Về án phí: anh Bùi Minh Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0007892 ngày 31/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên nên còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND xã T, H. T, tỉnh Tây Ninh
(số 0085/2017);
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Công Tự